

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng C.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Diệu H.

2. Ông Nguyễn Hữu T.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh T, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H:* Ông Nguyễn Nguyên T, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2019/QĐST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T - Chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền số: 3962/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại: Ông Ngô Hùng P, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền số: 831/2018/GUQ-CNTTH ngày 29/01/2018 của Giám đốc);

Địa chỉ: Số 126 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Ngọc Quốc L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 64 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Ngô Hùng P trình bày: Ngày 25/9/2014, ông Đặng Ngọc Quốc L có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng tín dụng số: LD 1426800352 ngày 25/9/2014 để vay số tiền 40.000.000đồng, mục đích vay: sinh hoạt tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, thời điểm trả nợ 25/9/2018. Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 05/10/2017 ông Đặng Quốc L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.724.300đồng (Trong đó nợ gốc 30.858.000đồng, nợ lãi 9.866.300đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đặng Ngọc Quốc Linh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Đặng Ngọc Quốc L vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, ngày 06/11/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Đặng Ngọc Quốc L, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Đặng Ngọc Quốc L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 25/6/2019 ông Đặng Ngọc Quốc L còn nợ của Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc 9.142.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.933.700đồng; nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 434.188đồng, nợ lãi quá hạn trên lãi chậm trả 1.354.637đồng. Tổng cộng: 13.864.525đồng

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2019 là: 13.864.525đồng (trong đó nợ gốc 9.142.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.933.700đồng; nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 434.188đồng, nợ lãi quá hạn trên lãi chậm trả 1.354.637đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2019) ông Đặng Ngọc Quốc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Ngọc Quốc L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 11/7/2018, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 172/2018/TB-TLVA và đã niêm yết thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông Đặng Ngọc Quốc L là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng ông Linh cũng không đến Tòa án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, ông Linh vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 58, Điều 262, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 280, 282, 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số: 08/2016/AL, ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2019 là 13.864.525đồng (trong đó nợ gốc 9.142.000đồng; nợ lãi trong hạn 2.933.700đồng; nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 434.188đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ lãi 1.354.637đồng).

2. Buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2019) cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Ngọc Quốc L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, thấy rằng: Ngày 25/9/2014, ông Đặng Ngọc Quốc L có ký Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng tín dụng số: LD1426800352 để vay số tiền: 40.000.000đồng; mục đích vay: Sinh hoạt tiêu dùng; lãi suất: “Lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên vay trả cho Sacombank là 8%/năm, tương đương với lãi suất thực tế của khoản cho vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng này. Tùy thuộc vào tình hình lãi trên thị trường, Sacombank có quyền đề nghị thương lượng lại lãi suất của bên vay; thời hạn vay 48 tháng; thời điểm trả nợ: ngày 25/9/2018; số tiền phải trả 52.800.000đồng, chia làm 48 kỳ; phương thức trả nợ: 01 tháng/lần; Ngày trả nợ đầu tiên vào ngày: 05/10/2014; số tiền trả nợ gốc và lãi mỗi kỳ là 1.100.700đồng. Trong quá trình vay vốn tính đến ngày 05/10/2017 ông Đặng Ngọc Quốc L đã trả cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số tiền: 40.724.300đồng (Trong đó nợ gốc: 30.724.300đồng, nợ lãi 9.866.300đồng). Sau đó ông Đặng Ngọc Quốc L không tiếp tục trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Đặng Ngọc Quốc Linh, yêu cầu ông Đặng Ngọc Quốc L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Đặng Ngọc Quốc L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Do ông Đặng Ngọc Quốc L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; nên ngày 06/11/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Như vậy, từ ngày 05/11/2017 đến ngày 25/6/2019 ông Đặng Ngọc Quốc L còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và quá hạn là: 13.864.525đồng (trong đó nợ gốc 9.142.000đồng, nợ lãi trong hạn 2.933.700đồng; lãi nợ lãi quá hạn trên nợ gốc 434.188đồng, nợ lãi quá hạn trên nợ lãi 1.354.637đồng).

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2019 là 13.864.525đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi ông Đặng Ngọc Quốc L trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải chịu: 13.864.525đồng x 5% = 693.226đồng (Sáu trăm chín mươi ba nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 005859, ngày 05/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 13.864.525đồng (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2019) ông Đặng Ngọc Quốc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đặng Ngọc Quốc L thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Buộc ông Đặng Ngọc Quốc L phải chịu: 693.226đồng (Sáu trăm chín mươi ba nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 005859, ngày 05/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Trọng Căn

